

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 1258 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 4 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 40/TTr-SNN&PTNT ngày 20/3/2019 và Báo cáo thẩm tra số 330/BC-VP ngày 02/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa, gồm: 15 thủ tục hành chính mới ban hành

lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy sản, kinh tế hợp tác và phát triển; 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực thủy sản, diêm nghiệp (đã được công bố tại Quyết định số 4468/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực diêm nghiệp, chăn nuôi, kinh tế hợp tác và phát triển thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa) (có Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

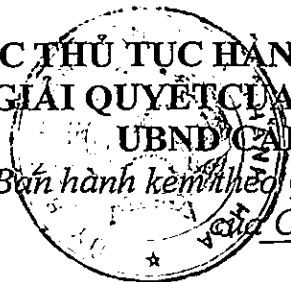
- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục KSTTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.



**Lê Thị Thìn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/  
UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1258/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*



**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính (Số hồ sơ TTHC trên CSDLQG)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
<b>I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>					
1	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (BNN-THA-288391)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Không	Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính Phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (BNN-THA-288392)	- 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hết hiệu lực); - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)		Không	

		công nghệ cao bị mất hoặc bị hư hỏng trong thời gian còn hiệu lực).			
3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (BNN-THA-288415)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

## II. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1	Xóa đăng ký tàu cá (BNN-THA-288399)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các địa điểm sau thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa để nộp hồ sơ: a) Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Lạch Hới (Trụ sở đóng tại phường Quảng Tiến, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa). b) Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Lạch Bạng (Trụ sở đóng tại xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa). c) Phòng quản lý khai thác, tàu cá và hậu cần nghề cá thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa (Số 49A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
2	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (BNN-THA-288404)	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục		5% giá thiết kế	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công

		hỏi.			vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (BNN-THA-288400)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (BNN-THA-288401)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các địa điểm sau thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa để nộp hồ sơ: a) Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Lạch Hới (Trụ sở đóng tại phường Quảng Tiên, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa). b) Trạm Bảo vệ nguồn lợi	Không	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (BNN-THA-288402)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp			

	cá (BNN-THA-288403)	lệ	thủy sản Lạch Bạng (Trụ sở đóng tại xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa). c) Phòng quản lý khai thác, tàu cá và hậu cần nghề cá thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa (Số 49A Đại lộ Lê Lợi, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).	Không	đánh dấu tàu cá.
7	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) (BNN-THA-288405)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	150.000 đồng + (số tần thủy sản x 15.000 đồng/tần); Tối đa 700.000 đồng/lần	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 21/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
8	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (BNN-THA-288406)	03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra	Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn một trong các địa điểm sau thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Theo quy định tại Thông tư số	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ

			<p>Thanh Hóa để nộp hồ sơ:</p> <p>a) Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Lạch Hới (Trụ sở đóng tại phường Quảng Tiến, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>b) Trạm Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Lạch Bang (Trụ sở đóng tại xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa).</p> <p>c) Phòng quản lý khai thác, tàu cá và hậu cần nghề cá thuộc Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa (Số 49A Đại lộ Lê Lợi, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).</p>	230/2016/TT-BTC	<p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;</p> <p>- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.</p>
--	--	--	--	-----------------	---

### III. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (BNN-THA-288421)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Chưa quy định	<p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ</p>
---	---	--	---	---------------	---

					Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.
2	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (BNN-THA-288422)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương thức kiểm tra chặt; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với phương thức kiểm tra thông thường.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa)	Chưa quy định	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

#### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

##### LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (BNN-THA-288416)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
---	--	---	--	-------	---

#### C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

##### LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Phê duyệt kế hoạch	60 ngày kể từ ngày nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết	Không	Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến
---	--------------------	-------------------------	------------------------------	-------	---



khuyến nông địa phương (BNN-THA-288417)	đủ hồ sơ hợp lệ	quả thuộc UBND cấp xã	nông.
--	-----------------	-----------------------	-------

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>			
<b>I. LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>			
1	BNN-THA-288033	Chứng nhận sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
2	BNN-THA-288231	Chứng nhận lại sản phẩm thủy sản khai thác trong nước không vi phạm quy định về đánh bắt bất hợp pháp	
3	BNN-THA-288309	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;
4	BNN-THA-288312	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyên nhượng quyền sở hữu.	
5	BNN-THA-288220	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu.	
6	BNN-THA-288314	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cải hoán	
7	BNN-THA-288029	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá không thời hạn (đối với tàu cá nhập khẩu).	

8	BNN-THA-288313	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
9	BNN-THA-288030	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)	
10	BNN-THA-288031	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ
12	BNN-THA-288310	Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;
11	BNN-THA-288227	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ
13	BNN-THA-288225	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.
<b>II. LĨNH VỰC DIỆM NGHIỆP</b>			
1	BNN-THA-287744	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.